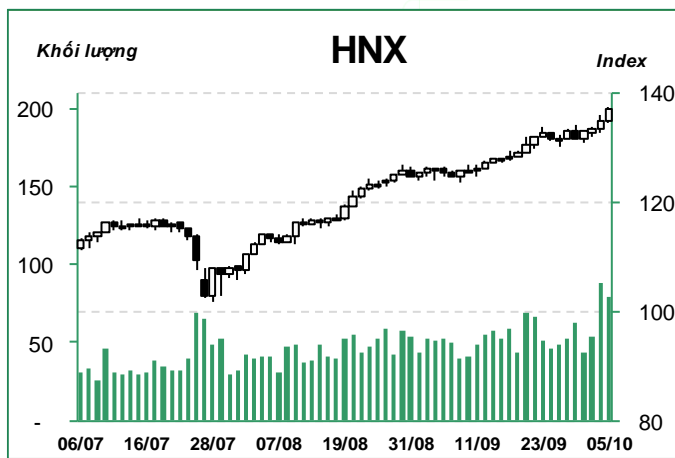
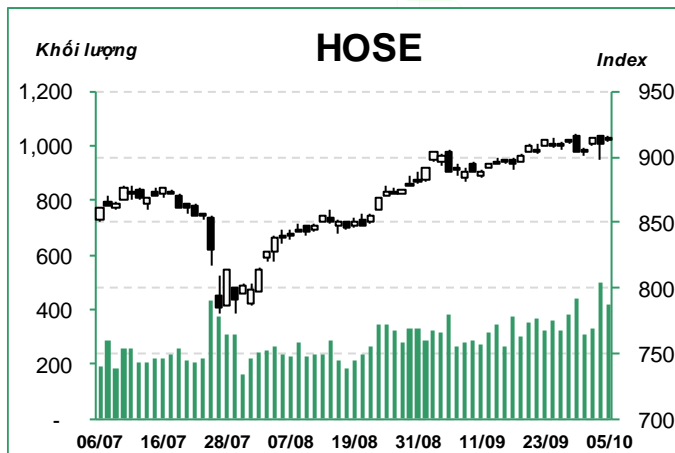


Tổng quan thị trường

05/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	914.68	0.52%	867.70	0.72%	137.19	1.69%
Cuối tuần trước	909.91	0.52%	861.51	0.72%	134.91	1.69%
Trung bình 20 ngày	904.48	1.13%	847.07	2.44%	131.13	4.62%
Tổng KLGD (triệu cp)	456.10	-13.48%	129.13	-23.20%	80.23	-10.22%
KLGD khớp lệnh	420.76	-16.07%	115.09	-30.05%	79.31	-9.78%
Trung bình 20 ngày	351.44	19.72%	100.92	14.04%	57.44	38.07%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	7,302.21	-15.01%	2,980.48	-27.88%	959.78	-25.87%
GTGD khớp lệnh	6,453.67	-20.60%	2,669.16	-33.54%	934.62	-26.92%
Trung bình 20 ngày	5,868.81	9.97%	2,629.68	1.50%	688.95	35.66%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	304	64%	17	57%	107	30%
Số mã giảm	120	25%	9	30%	59	17%
Số mã đứng giá	53	11%	4	13%	189	53%



Thị trường chứng khoán Châu Á đa phần khởi sắc trong phiên đầu tuần khi tâm lý nhà đầu tư đã không còn hoảng loạn trước tình hình sức khỏe của Tổng thống Trump. Ở thị trường chứng khoán trong nước, các chỉ số cũng bật tăng ngay từ đầu phiên với lực cầu lan tỏa đến nhiều mã cổ phiếu. Tuy nhiên, sự chú ý lại đổ dồn về nhóm cổ phiếu midcap và penny với nhiều mã bất ngờ tăng khá mạnh trong phiên hôm nay.

Trên sàn HoSE, VN-Index vẫn chưa thể vượt ngưỡng 915 điểm. Chỉ số tăng nhẹ và đóng cửa tại mức 914.68 điểm (+0.52%). Thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy dòng tiền tham gia vào thị trường vẫn đang khá mạnh. KLGD khớp lệnh đạt 420.8 triệu cổ phiếu (-16.1%), tương đương 6,454 tỷ đồng giá trị (-20.6%). Sắc xanh áp đảo hoàn toàn trên sàn HoSE với 304 mã tăng điểm so với 120 mã giảm.

Mặc dù sắc xanh chiếm ưu thế, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có sự phân hóa trong phiên hôm nay. Trong đó, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.1%), Masan-MSN (+3.5%) và Hòa Phát-HPG (+2.4%) lần lượt là những cổ phiếu dẫn dắt đà tăng điểm của VN-Index. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu vốn hóa lớn nhất của sàn HoSE như Vingroup-VIC (-0.7%), Vietcombank-VCB (-0.6%), Vinamilk-VNM (-0.6%) hay BIDV-BID (-0.6%) lại chịu áp lực điều chỉnh và kìm hãm sắc xanh của chỉ số. Trong khi đó, nhóm midcap và penny có diễn biến khá sôi động với nhiều cổ phiếu tăng tốt kèm thanh khoản cao, có thể kể đến như DIC Corp-DIG (+6.7%), Khoan Dầu khí PVD-Drilling-PVD (+6.5%), Đất Xanh-DXG (+6.3%), hay Tập đoàn FLC-FLC (+5.3%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 233.0 tỷ đồng (-16.3%). Trong đó, Vinamilk-VNM (-81.9 tỷ), DIC Corp-DIG (-41.3 tỷ), Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa-SBT (-39.0 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
BWE	3,842.6	94.53
EIB	5,272.6	87.36
HDC	2,650.0	56.71
MBB	3,000.0	54.00
SBT	2,352.5	40.58
NVL	620.0	38.61
HVN	966.0	25.96
TCB	1,016.8	24.51
BMP	363.5	22.56
VPB	1,000.0	22.50
HNX		
HHC	104.0	10.40
NTP	160.0	5.42
ACB	151.6	3.15
PVS	190.0	2.34
TAR	100.0	2.05
TIG	129.0	0.92
VCG	13.0	0.49
PVC	51.2	0.31
VC9	15.2	0.07
SLS	0.1	0.01

nhieu nhất. Ở chiều ngược lại, sau chuỗi bán ròng liên tiếp gần đây, Hòa Phát-HPG (+36.0 tỷ) bất ngờ được khối ngoại mua ròng mạnh trở lại, theo sau là Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+17.7 tỷ) và Đạm Cà Mau-DCM (+14.6 tỷ). Ngoài ra, giao dịch của các chứng chỉ quỹ ETF cũng đã sôi động trở lại khi khối ngoại đẩy mạnh mua ròng chứng chỉ quỹ FUEVFNND (+45.9 tỷ) và FUESSVFL (+7.3 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index có phiên tăng mạnh và đóng cửa tại mức 137.19 điểm (+1.69%). KLGD khớp lệnh đạt 79.3 triệu cổ phiếu (-9.8%), tương đương 934.6 tỷ đồng giá trị (-26.9%).

Ngân hàng Á Châu-ACB (+2.6%), Vicostone-VCS (+3.0%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.3%) và Dầu khí PTSC-PVS (+4.4%) là những trụ cột tăng điểm tích cực đến chỉ số. Ở chiều ngược lại, Thaiholdings-THD (-2.3%), Thực phẩm Bích Chi-BCF (-7.2%), Cấp nước Bến Thành-BTW (-10.0%) chịu áp lực điều chỉnh.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trở lại trên sàn Hà Nội trong hôm nay với giá trị 2.0 tỷ đồng. Chủ yếu là đến từ lượng mua Nhựa Tiên Phong-NTP (+6.0 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vicostone-VCS (-3.1 tỷ), Bê tông Hòa Cầm-HCC (-1.0 tỷ), Hóa chất Lâm Thao-LAS (-0.6 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tuy có suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn trên bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng phục hồi của chỉ số vẫn tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cùng với RSI có tín hiệu đi lên trở lại vùng 64, cho thấy đã phục hồi của chỉ số đang gia tăng. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách vùng kháng cự mạnh quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn và chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng 138.3 (đỉnh 2018). Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 05/10 cho thấy thị trường duy trì trong xu hướng phục hồi và có cơ hội hướng lên thử thách các vùng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GIL	27.6	716.0	7.0%
OGC	7.1	2,858.4	7.0%
THI	30.0	1.1	7.0%
DTT	9.6	0.1	6.9%
HTL	17.0	0.0	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PIT	4.8	3.1	-7.0%
NAV	21.4	0.0	-7.0%
ASG	50.1	79.0	-6.9%
TS4	3.5	13.2	-6.4%
SVT	12.5	0.4	-6.4%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	27.4	347.3	2.4%
STB	13.7	307.4	1.9%
MBB	17.7	190.1	2.3%
PVD	12.3	188.5	6.5%
MSN	56.0	181.9	3.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	3.8	28,626.5	5.3%
STB	13.7	22,603.0	1.9%
PVD	12.3	15,719.2	6.5%
ROS	2.2	13,140.8	1.9%
HPG	27.4	12,791.4	2.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	1.0	3,933.9	11.1%
MCO	2.2	0.2	10.0%
HMH	9.9	0.1	10.0%
CJC	20.9	0.1	10.0%
CLM	18.9	0.4	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NGC	1.8	12.7	-10.0%
BTW	25.3	0.1	-10.0%
VE4	6.4	0.1	-9.9%
VBC	17.3	0.2	-9.4%
FID	1.0	51.5	-9.1%

Top 5 giá trị

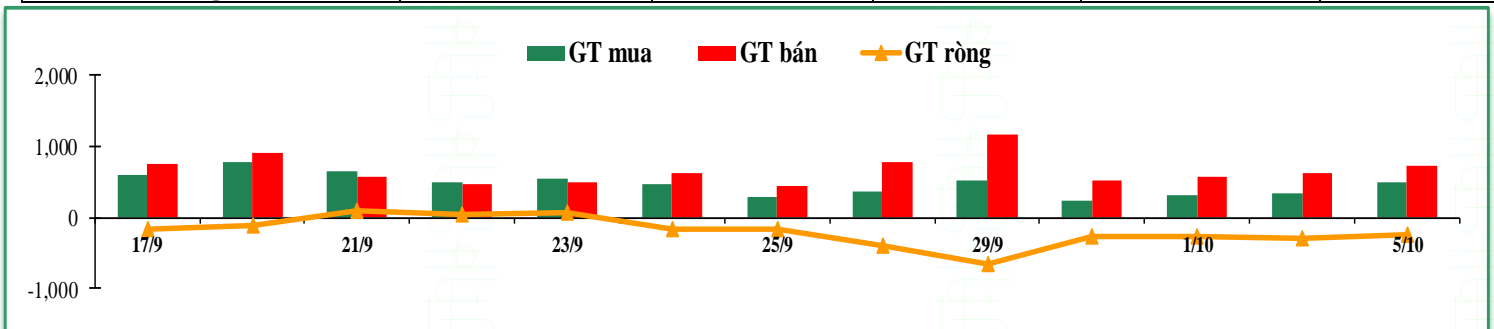
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.6	301.4	2.6%
PVS	14.2	170.8	4.4%
SHS	13.0	51.0	2.4%
CEO	7.7	44.9	4.1%
VCS	77.9	44.7	3.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	23.6	12,891.9	2.6%
PVS	14.2	12,173.6	4.4%
HUT	2.9	6,475.1	7.4%
CEO	7.7	5,835.0	4.1%
KLF	1.8	5,388.2	0.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	497.6	7.7%	730.6	11.3%	-233.0
HNX	11.0	1.2%	9.0	1.0%	2.0
Tổng số	508.7		739.6		-231.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	27.4	72.1	2.4%
MBB	17.7	53.0	2.3%
VPB	24.2	25.0	2.3%
BMP	61.9	23.2	0.2%
TCB	22.6	22.8	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	107.3	87.7	-0.7%
MBB	17.7	73.2	2.3%
DIG	18.4	41.9	6.7%
VCB	83.5	39.4	-0.6%
SBT	16.2	39.2	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	27.4	36.0	2.4%
HSG	15.5	17.7	0.0%
DCM	12.1	14.6	3.4%
STB	13.7	14.2	1.9%
HDG	25.8	10.9	3.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	33.7	6.0	0.6%
VCS	77.9	0.9	3.0%
TIG	7.1	0.7	2.9%
NVB	9.3	0.6	0.0%
VCG	40.2	0.6	0.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	77.9	4.0	3.0%
HCC	13.9	1.0	3.7%
LAS	6.3	0.6	3.3%
PSD	10.4	0.6	0.0%
SHS	13.0	0.4	2.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	33.7	6.0	0.6%
TIG	7.1	0.6	2.9%
NVB	9.3	0.6	0.0%
VCG	40.2	0.6	0.5%
SD9	7.3	0.4	2.8%

Tin trong nước

Thương vụ đầu tư mới nhất của Masan vào lĩnh vực chế biến thịt gia cầm: Mục tiêu doanh thu 1.000 tỷ, hòa EBITDA trong năm nay

CTCP Masan MEATLife (MML) vừa thông báo đầu tư vào Công ty 3F Việt, một doanh nghiệp nội địa có nền tảng sản xuất thịt gia cầm. Thương vụ giá trị 613 tỷ đồng, đổi lấy 51% cổ phần, thông qua đó Tập đoàn Masan chính thức mở rộng sang thị trường thịt gia cầm.

Theo đánh giá của MML, thịt gia cầm đóng vai trò quan trọng thứ hai trong bữa ăn của gia đình Việt; tuy vậy thị trường này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về năng suất, chất lượng và sản phẩm mới đột phá.

Trong năm nay, 3F Việt đặt mục tiêu đạt 1.000 tỷ doanh thu, và hòa vốn EBITDA. Khoản đầu tư hơn 600 tỷ đồng của Masan được cho biết sẽ dùng để mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm. Giao dịch đang chờ sự chấp thuận của cơ quan quản lý.

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 66.500 tỷ đồng sau 7 tháng, tăng 20%

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (IAV) cho biết tính đến hết tháng 7/2020, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 31.266 tỷ đồng, tăng khoảng 6%, bồi thường 10.754 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường khoảng 34% (chưa bao gồm dự phòng bồi thường).

Ở khối bảo hiểm nhân thọ, số liệu thống kê ước tính của hiệp hội cho biết đến hết tháng 7/2020, tổng số hợp đồng khai thác mới của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 1.623.203 hợp đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Số lượng hợp đồng có hiệu lực đến cuối kỳ là 10.866.242, tăng 14,93%.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của khối nhân thọ tính đến hết tháng 7/2020 đạt 66.510 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cùng với việc tăng về số hợp đồng khai thác mới và doanh thu phí bảo hiểm, phí bảo hiểm khai thác mới của khối nhân thọ tính đến tháng 7 tăng 14,92% đạt 20.672 tỷ đồng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Kết quả kinh doanh quý III: Nhiều tin vui sớm được công bố

Dabaco (DBC) tiếp tục có thêm một quý kinh doanh thuận lợi khi công bố trong quý III/2020 ước đạt doanh thu 3.565 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 386 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu quý III của Dabaco tăng gần gấp đôi, trong khi lợi nhuận tăng gần 20 lần. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Dabaco đạt doanh thu 11.757 tỷ đồng, gấp 2,3 lần và lợi nhuận sau thuế 1.136 tỷ đồng, gấp 24 lần cùng kỳ năm trước. Chắc chắn Dabaco sẽ kết thúc năm 2020 với các chỉ tiêu kinh doanh vượt xa kế hoạch và trở thành năm kinh doanh thành công nhất trong lịch sử hoạt động khi mà nhiều doanh nghiệp vẫn đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19.

Tiếp đó, ông lớn ngành sữa **Vinamilk (VNM)** đã công bố kết quả kinh doanh sơ bộ quý III và 9 tháng đầu năm 2020, đều tăng so với cùng kỳ. Vinamilk ước tính kết quả quý III/2020 tăng trưởng 9% về doanh thu và 16% về lợi nhuận, tính chung 9 tháng đầu năm 2020, ông lớn ngành sữa ước tính đem về tổng doanh thu 45,277 tỷ đồng và lãi sau thuế 8,967 tỷ đồng, đều tăng 7% so cùng kỳ bất chấp những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 trong năm 2020.

Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM) công bố tổng doanh thu và lãi trước thuế 9 tháng ước đạt mức 5.978 tỷ đồng và 664 tỷ đồng, lần lượt tăng 9% và 275% so với cùng kỳ năm trước như vậy riêng quý III DPM đạt 2.050 tỷ đồng doanh thu – tăng nhẹ so với quý III/2019, LNTT ước đạt hơn 170 tỷ đồng cao gấp hơn 2,2 lần cùng kỳ năm ngoái. DPM cho biết hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón trong quý III/2020 và 9 tháng đầu năm diễn biến khả quan, các nhà máy sản xuất phân bón và hóa chất được vận hành hiệu quả, đạt công suất tối ưu trong bối cảnh công ty tăng cường kiểm soát chi phí, tiết kiệm định mức năng lượng so với kế hoạch.

Vicostone (VCS) cũng đã công bố kết quả ước thực hiện quý III/2020 với chỉ tiêu lãi sau thuế đạt 400 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và doanh thu thuần cũng tăng nhẹ, lên mức 1.499 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020, ước tính VCS mang về 3.994 tỷ đồng doanh thu và 961 tỷ đồng lãi sau thuế.

Đệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM) ước quý III, lợi nhuận sau thuế ước đạt 79 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Lãnh đạo TCM chia sẻ trong tháng 9, doanh nghiệp nhận được đơn hàng khẩu trang dành cho trẻ em đi Mỹ và tình hình đơn hàng truyền thống quý III cải thiện so với quý trước. Trong quý IV, công ty đã nhận được 80% đơn hàng truyền thống và chưa có đơn hàng khẩu trang. Đồng thời, sau khi EVFTA có hiệu lực thì nhu cầu vải trong nước đã tăng lên, công ty kỳ vọng tình hình đơn hàng sẽ tăng mạnh trong quý IV và đầu năm sau.

Tập đoàn Kido (KDC) trong quý III/2020 ước doanh thu đạt 2.293 tỷ đồng, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước; lãi trước thuế 154 tỷ đồng, tăng 115%; lãi sau thuế 128 tỷ đồng, tăng 141%. Quý III đánh dấu thời điểm Kido trở lại mảng bánh sau 5 năm bằng việc ra mắt bánh trung thu thương hiệu Kingdom. Kido dự kiến năm nay, sản phẩm bánh trung thu Kingdom sẽ đóng góp vào doanh thu khoảng

160 tỷ đồng và lợi nhuận khoảng 36 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần Kido ước đạt 5.960 tỷ đồng, tăng 17,3%. Lợi nhuận sau thuế đạt 261 tỷ đồng, tăng 56,6% so với cùng kỳ năm trước.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BMP	Mua	06/10/20	61.9	61.9	0.0%	71	14.7%	59	-4.7%	Khả năng tiếp diễn xu hướng phục hồi

Danh mục cổ phiếu quan sát

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	D2D	Quan sát mua	06/10/20	72.4	80	Tín hiệu test đỉnh cũ tích cực, quay lại đóng cửa trên MA5 -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng
2	PHR	Quan sát mua	06/10/20	58.7	60	Đường giá tạo nền tích lũy với chòm MA5, 10, 20 hội tụ, cùng với phiên cắt lên MA20. -> chờ phiên breakout vượt đỉnh 60 sẽ cho tín hiệu vào nhịp tăng mới
3	LHG	Quan sát mua	06/10/20	28.4	30	Đường giá tạo nền tích lũy với chòm MA5, 10, 20 hội tụ, cùng với phiên cắt lên MA20. -> cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng.
4	SHB	Quan sát mua	06/10/20	22	24	Đường giá tạo nền tích lũy với các nền thân hẹp quanh MA5, cùng với MA20 hướng lên tích cực. -> chờ phiên breakout vượt đỉnh 15.9 sẽ cho tín hiệu thoát nền và quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Mua	16/09/20	58	56.8	2.1%	60.9	7.2%	54.9	-3%	
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	104	94.6	9.9%	112	18.4%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	107.3	103.6	3.6%	112.5	9%	101.6	-2%	
4	CTG	Mua	23/09/20	27.5	25.8	6.6%	28	9%	25.2	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	HPG	Mua	28/09/20	27.35	25.75	6.2%	30	17%	25	-3%	
6	KBC	Mua	29/09/20	14.35	14.3	0.3%	15.8	10%	13.8	-3%	
7	BFC	Mua	01/10/20	17	17	0.0%	18.7	10%	16.3	-4%	
8	KSB	Mua	05/10/20	32.75	31.1	5.3%	35	13%	29.8	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 05/10/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,000	-18.7 %	-35%	3,932	72	67,000	6	(994)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,850	0.7 %	49%	1,735	35	50,500	936	(9,914)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,750	4.8 %	17%	4,606	24	50,500	1,453	(297)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,650	0.6 %	-2%	2,424	18	50,500	1,413	(237)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,410	0 %	-6%	6,887	101	50,500	686		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,250	-2.2 %	-9%	8,250	74	50,500	1,364	(886)	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2006	2,180	3,880	-0.5 %	78%	590	3	24,800	54	(3,826)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2008	4,100	5,930	7.2 %	45%	14,019	56	27,350	358	(5,572)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,480	8.7 %	243%	2,491	24	27,350	2,447	(3,033)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	8,020	6.2 %	31%	11,698	105	27,350	1,688	(6,332)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	9,720	7.2 %	41%	1,321	57	27,350	3,466	(6,254)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	8,960	4.7 %	24%	9,566	196	27,350	2,684	(6,276)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	8,450	3.7 %	26%	10,866	147	27,350	2,144	(6,306)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	3,590	9.5 %	63%	28,950	101	27,350	540	(3,050)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,200	4.8 %	35%	28,632	74	27,350	1,709	(491)	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,630	19.6 %	32%	35,818	35	17,700	107	(2,523)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	700	-12.5 %	-65%	1,759	21	17,700	(0)	(700)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,990	15.0 %	81%	62,008	24	17,700	616	(1,374)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,090	10.6 %	49%	18,069	101	17,700	550		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	430	16.2 %	-81%	5,507	72	56,000	1	(429)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2005	2,100	310	24.0 %	-85%	11,912	24	56,000	0	(310)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,290	11.2 %	-32%	26,541	101	56,000	429		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,500	8.7 %	-2%	7,912	63	56,000	692	(808)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	310	-38.0 %	-85%	166	21	104,000	0	(310)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	18,820	4.0 %	46%	1,254	56	104,000	17,404	(1,416)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,970	-0.5 %	52%	48,197	22	104,000	1,916	(54)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,780	1.1 %	74%	974	18	104,000	2,765	(15)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,550	-0.4 %	82%	10,190	101	104,000	2,270		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,200	2.9 %	41%	20	74	104,000	3,509	(691)	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,560	-0.4 %	27%	5,185	126	104,000	4,976	(584)	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,970	-1.0 %	-14%	561	72	63,300	52	(1,918)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,340	-3.7 %	17%	1,230	156	63,300	934	(1,406)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	120	-14.3 %	-94%	68	21	61,200	(0)	(120)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	400	-2.4 %	-60%	9,022	24	61,200	143	(257)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	820	-2.4 %	-18%	6,003	101	61,200	378		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,070	-2.8 %	24%	6,069	46	61,200	1,680	(390)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,810	0.7 %	-7%	6,161	126	61,200	2,359	(451)	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,340	-3.3 %	134%	22,751	24	41,950	2,402	62	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,930	-1.8 %	150%	579	18	41,950	4,165	235	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,570	-3.4 %	98%	1,736	101	41,950	2,430		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	25.0 %	-85%	15,091	72	2,200	(0)	(150)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	590	31.1 %	-80%	1,391	72	16,200	0	(590)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,370	6.3 %	39%	6,086	72	13,700	1,888	(482)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,000	10.3 %	114%	20,933	56	13,700	2,751	(249)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,050	5.0 %	-3%	4,603	29	13,700	959	(91)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,360	5.4 %	-9%	26,087	182	13,700	761	(599)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,700	7.3 %	147%	16,641	46	13,700	3,539	(161)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,300	4.8 %	100%	20,497	74	13,700	2,867	(433)	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2003	2,000	230	9.5 %	-89%	826	21	22,550	0	(230)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,810	-5.2 %	-40%	6,744	56	22,550	845	(965)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,300	-0.9 %	92%	9,084	24	22,550	2,293	(7)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,870	-1.6 %	10%	13,897	101	22,550	1,393		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,870	-1.1 %	9%	5,174	74	22,550	1,344	(526)	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	880	17.3 %	-72%	1,516	72	76,000	0	(880)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,770	0.6 %	-59%	2,707	56	76,000	1,261	(3,509)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	800	0 %	-20%	30,238	24	76,000	614	(186)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	770	0 %	-45%	57,504	101	76,000	184		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,850	0.5 %	-36%	6,425	126	76,000	887	(963)	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	150	-11.8 %	-94%	6,116	72	104,800	(0)	(150)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	230	-4.2 %	-88%	5,779	24	104,800	0	(230)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,450	-0.7 %	-28%	2,523	126	104,800	725	(725)	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	18,860	-7.1 %	8%	1,814	56	107,300	34	(18,826)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,010	-2.9 %	101%	801	24	107,300	451	(2,559)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,590	-5.9 %	-34%	1,754	156	107,300	12	(1,578)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,390	-2.5 %	33%	2,173	101	107,300	133		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,830	-5.4 %	56%	8,579	63	107,300	256	(2,574)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,780	-3.5 %	4%	1,575	126	107,300	352	(2,428)	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,760	18.9 %	-48%	25,221	56	24,200	728	(1,032)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,140	18.8 %	-33%	8,462	24	24,200	873	(267)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,750	-1.7 %	-3%	8,159	101	24,200	1,296		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,270	2.3 %	39%	19,367	46	24,200	2,039	(231)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	270	0 %	-91%	1,001	72	27,400	0	(270)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,700	-2.9 %	-58%	2,639	56	27,400	425	(1,275)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,160	1.8 %	5%	7,416	24	27,400	1,111	(49)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	510	2.0 %	-66%	125,301	182	27,400	101	(409)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	990	1.0 %	-18%	20,020	101	27,400	523		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
HBC (New)	HOSE	11,500	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,350	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV (New)	HOSE	20,450	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	10,950	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV (New)	UPCOM	65,900	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG (New)	HOSE	26,500	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	47,850	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	67,000	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,900	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	83,500	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,700	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,400	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,900	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	104,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,300	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,500	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	121,600	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	56,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	27,350	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn